TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/DS-PT
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2022/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Tuấn V và bà Hà Thị Ánh T (có mặt)

Cùng cư trú tại: Số nhà 139 Nguyễn L, khu phố Dương Liễu T, thị trấn Bình D, huyện Phù M, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Thành Ph – Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H;

Cư trú tại: Khu phố Dương Liễu Đ, thị trấn Bình D, huyện Phù M, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr – Luật sư Văn phòng luật sư Tr và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có

mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Ch (có mặt)

Cư trú tại: Khu phố Dương Liễu Đ, thị trấn Bình D, huyện Phù M, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thanh H là bị đơn, bà Trần Thị Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hà Thị Ánh T và ông Bùi Tuấn V thống nhất trình bày:

Từ ngày 16/06/2019, bà T có cho ông Nguyễn Thanh H vay 08 lần với số tiền: 2.400.000.000 đồng, Cụ thể các lần là: Ngày 14/6/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 16/6/2019 ông H mượn 200.000.000 đồng, ngày 30/6/2019 ông H mượn 200.000.000 đồng, ngày 07/8/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 28/8/2019 vợ chồng ông V bà T có chuyển khoản cho ông H là 100.000.000 đồng, ngày 29/8/2019 vợ chồng ông V bà T chuyển khoản cho ông H là 150.000.000 đồng và ngày 04/9/2019 ông H mượn 250.000.000 đồng. Khi vay tiền ông H có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà T, giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 19 diện tích 246,5m² theo Giấy chứng nhận số: CS 04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 21/10/2019. Sau khi vay ông H đã trả cho bà T 215.000.000 đồng còn nợ 2.185.000.000 đồng. Nhưng để hợp thức số tiền vay nói trên, đến ngày 26/8/2020 vợ chồng ông V bà T với ông H đến văn phòng công chứng làm hợp đồng vay tiền nhưng trong hợp đồng số tiền vay chỉ là 2.115.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26/8/2020 đến hết ngày 25/9/2020.

Đến ngày 25/9/2020 hai bên xác nhận nợ tại tòa án huyện Phù M, ông H còn nợ bà T tiền gốc 2.185.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/11/2020 là 55.000.000 đồng, do đó hiện tại ông H còn nợ bà T: 2.240.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông V bà T yêu cầu ông H trả số nợ trên và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/9/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất nhà nước.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Tại biên bản hòa giải ngày 05/11/2020 ông H xác định có nợ bà Hà Thị Ánh T và ông Nguyễn Thanh H số tiền 2.400.000.000 đồng (trong đó: nợ gốc 2.185.000.000 đồng và nợ lãi đến ngày 05/11/2020 là 55.000.000 đồng). Ông H xin trả nợ dần và yêu cầu ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà khi vay tiền ông đã thế chấp cho ông V, bà T. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H thay đổi lời khai cho rằng ông đã trả hết số nợ trên cho vợ chồng ông V, bà T xong nên không chấp nhận việc vợ chồng ông V bà T khởi kiện yêu cầu ông tiếp tục trả số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Thanh H, việc chồng bà Ch mượn tiền của vợ chồng ông V, bà T thì bà Ch không biết, trong các giấy tờ nợ liên quan bà Ch không ký tên. Khi vay tiền ông H có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà T, giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 19 diện tích 246,5m² theo Giấy chứng nhận số: CS 04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 21/10/2019 nhưng ông H không cho bà biết. Nay bà Ch yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số *17/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Phù M quyết định:*

1. Buộc ông Nguyễn Thanh H trả cho vợ chồng ông Bùi Tuấn V bà Hà Thị Ánh T số tiền 2.495.737.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) trong đó: 2.185.000.000 đồng tiền gốc và 310.737.000 đồng tiền lãi.

2. Buộc vợ chồng ông Bùi Tuấn V và bà Hà Thị Ánh T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 21/10/2019 cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12/3/2022 bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Ngày 12/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa ông H, bà Ch tự nguyện rút một phần kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông V, bà Tr trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa luật sư Ph là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hà Thị Ánh T trình bày: Căn cứ theo lời khai và nội dung biên bản hòa giải ở cấp sơ thẩm ông H đã thừa nhận toàn bộ số nợ như bản án sơ thẩm đã tuyên. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Ch và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa luật sư Tr là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tuấn V, bà Hà Thị Ánh T đòi nợ ông H vì ông H đã trả hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đối với khoản nợ ngày 16/6/2019 ông H mượn 200.000.000 đồng và ngày 30/6/2019 (âm lịch) ông H mượn 200.000.000 đồng và được ghi phía dưới giấy nợ

nhưng bà T đã xóa. Theo kết luận giám định có cơ sở xác định ông H đã trả 300.000.000 đồng còn nợ 100.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H về khoản nợ đã trả 300.000.000 đồng, không chấp nhận kháng cáo về các khản nợ khác. Tại phiên tòa ông H, bà Ch tự nguyện rút một phần kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên căn cứ Điều 289 và 295 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần đã rút kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ch tự nguyện rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì tòa sơ thẩm tuyên xử phần này là đúng. Nên căn cứ Điều 289 và 295 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ch, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định trong năm 2019 ông Nguyễn Thanh H có vay mượn của vợ chồng ông Bùi Tuấn V, bà Hà Thị Ánh T 08 lần với tổng số tiền 2.400.000.000 đồng. Cụ thể các lần: Ngày 14/6/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 16/6/2019 ông H mượn 200.000.000 đồng, ngày 30/6/2019 ông H mượn 200.000.000 đồng, ngày 07/8/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 ông H viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày 28/8/2019 vợ chồng ông V bà T có chuyển khoản cho ông H là 100.000.000 đồng, ngày 29/8/2019 vợ chồng ông V bà T chuyển khoản cho ông H là 150.000.000 đồng và ngày 04/9/2019 ông H mượn 250.000.000 đồng. Khi vay tiền ông H có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà T, giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 19 diện tích 246,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 21/10/2019.

Sau khi vay ông H đã trả cho vợ chồng ông V bà T nhiều lần với tổng số tiền là 215.000.000 đồng nên ông H còn nợ ông V bà T 2.185.000.000 đồng chưa trả. Để thống nhất chốt sổ số tiền vay còn nợ, vợ chồng ông V bà T với ông H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T, huyện Phù M làm hợp đồng vay tiền và được công chứng ngày 26/8/2020 nhưng trong hợp đồng chỉ ghi số tiền vay 2.115.000.000 đồng là do sai xót trong quá trình đánh máy, thời hạn vay từ ngày 26/8/2020 đến hết ngày 25/9/2020.

Vì có sự mượn nợ và trả nợ như nêu trên nên tại bản khai của ông H ngày 05/11/2020 (bút lục số 16), Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành ngày 05/11/2020 (bút lục số 31, 32) tại tòa án cấp sơ thẩm các bên thống nhất xác định ông Nguyễn Thanh H có nợ vợ chồng ông Bùi Tuấn V, bà Hà Thị Ánh T tổng cộng số tiền 2.400.000.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc 2.185.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/11/2020 là 55.000.000 đồng) và thỏa thuận hàng tháng

ông Hoa phải trả cho vợ chồng bà T ông V mỗi tháng 120.000.000 đồng, thời gian trả nợ từ ngày 05/12/2020 đến ngày 05/5/2022, số tiền còn lại 80.000.000 đồng trả vào ngày 05/6/2022. Tuy nhiên, sau khi tòa cấp sơ thẩm lập Biên bản hòa giải thành thì ngày 06/11/2020 bà T làm đơn thay đổi ý kiến yêu cầu ông H trả tiền một lần, không chấp nhận cho ông H trả nợ nhiều lần. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà T buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Bùi Tuấn V bà Hà Thị Ánh T số tiền gốc là 2.185.000.000 đồng là có cơ sở.

Tại phiên tòa ông H cho rằng ông đã trả hết nợ nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh đã trả hết nợ. Riêng đối với khoản nợ ngày 16/6/2019 200.000.000 đồng và ngày 30/6/2019 (âm lịch) 200.000.000 đồng ghi trên một giấy nợ, ông H cho rằng theo kết luận giám định có cơ sở xác định ông H đã trả 300.000.000 đồng còn nợ 100.000.000 đồng như dòng chữ ghi phía dưới giấy nợ đã bị bà T xóa. Tuy nhiên như phân tích trên các bên đã tự nguyện chốt nợ theo hợp đồng vay tiền công chứng ngày 26/8/2020 và ông H đã thừa nhận nợ tại tòa sơ thẩm ngày 05/11/2020. Do đó, ông H kháng cáo cho rằng đã trả hết nợ cho ông V, bà T là không có căn cứ và chỉ nhằm kéo dài thời gian trả nợ.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi: Theo hợp đồng vay tiền ngày 26/8/2020 các bên không thỏa thuận mức lãi vay nhưng có thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 25/9/2020, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm và tiền lãi được tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ 26/9/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm 28/02/2022 theo số nợ gốc 2.185.000.000 đồng, thành tiền 310.737.000 đồng.

[2.3] Như vậy theo nhận định tại các mục [2.1] [2.2] thì ông Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Bùi Tuấn V, bà Hà Thị Ánh T tổng cộng 2.495.737.000 đồng, trong đó: 2.185.000.000 đồng tiền gốc và 310.737.000 đồng là tiền lãi.

[2.4] Khi vay tiền ông H có đưa cho bà T giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ch ngày 21/10/2019 (bản chính), nhưng các bên chưa làm thủ tục thế chấp theo đúng quy định của pháp luật nên đây không phải là thế chấp và giấy chứng nhận đứng tên ông H và bà Ch nhưng ông H đưa Giấy chứng nhận cho bà T không được sự đồng ý của bà Ch nên việc vợ chồng ông V bà T giữ bản chính giấy chứng nhận của ông H bà Ch là không đúng quy định pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất được luật pháp bảo vệ. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà Ch buộc vợ chồng ông V bà T trả lại cho vợ chồng ông H bà Ch bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, phần nhận định của bản án sơ thẩm nêu *"ông H là người có lỗi, nên buộc ông Hoa có nghĩa vụ khi nào ông H trả xong số tiền trên cho vợ chồng ông V bà T thì ông V bà T mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H bà Ch"* là trái với phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên buộc như phần nhận định (nêu trên), nên cấp phúc thẩm

sửa lại phần nhận định của cấp sơ thẩm cho phù hợp với phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, do yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch được chấp nhận thì vợ chồng ông V bà T phải chịu án phí 300.000 đồng, còn bà Ch không phải chịu và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông H bà Ch phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đồng là không phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H bà Ch sửa một phần bản án sơ thẩm về phần nhận định của bản án sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Ông H phải chịu 81.915.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Bà T ông V phải chịu 300.000 đồng do yêu cầu của bà Ch được chấp nhận. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T, ông V đã nộp là 37.850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002396 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M, còn phải hoàn lại cho bà T, ông V 37.550.000 đồng.

Bà Chín không phải chịu án phí nên hoàn trả cho bà Ch 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Ch đã nộp theo biên lai thu số 0008497 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M (người nộp tiền là ông Nguyễn Thanh H).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì ông H bà Ch không phải chịu.

Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008571 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M.

Hoàn trả cho bà Ch tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008572 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định 4.860.000 đồng ông H phải chịu (ông H đã nộp xong).

[5] Tại phiên tòa lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông V, bà T là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh H không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với một phần nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 289, Điều 295 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166, 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Phù M, tỉnh Bình Định.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh H trả cho vợ chồng ông Bùi Tuấn V bà Hà Thị Ánh T số tiền 2.495.737.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trong đó: 2.185.000.000 đồng tiền gốc và 310.737.000 đồng là tiền lãi.

3. Buộc vợ chồng ông Bùi Tuấn V và bà Hà Thị Ánh T trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 21/10/2019 cho ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ch.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng của ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ch về việc yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 81.915.000 đồng.

- Bà Hà Thị Ánh T, ông Bùi Tuấn V phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T, ông V đã nộp là 37.850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002396 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M, còn phải hoàn lại cho bà T, ông V 37.550.000 đồng.

- Bà Trần Thị Ch không phải chịu án phí nên hoàn trả cho bà Ch 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Ch đã nộp theo biên lai thu số 0008497 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M (người nộp tiền là ông Nguyễn Thanh H).

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ch không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Hoa tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008571 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M.

Hoàn trả cho bà Chín tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008572 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù M.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định 4.860.000 đồng ông H phải chịu (ông H đã nộp xong)

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù M;
- CCTHADS huyện Phù M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng